

BỘ TÀI CHÍNH

**THỊ TRƯỜNG
BẢO HIỂM VIỆT NAM
NĂM 2007**

**NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH
HÀ NỘI - 2008**

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN VỮNG CHẮC

(Bài mở đầu niên giám của Bộ trưởng)

Năm 2007, mặc dù có rất nhiều khó khăn như giá các loại nguyên liệu nhập khẩu liên tục tăng cao, thiên tai, dịch bệnh ở hầu hết các địa phương, tuy nhiên các chỉ tiêu kinh tế, xã hội đều đạt và vượt mức kế hoạch Quốc hội đề ra. Nền kinh tế duy trì mức tăng trưởng cao, đạt 8,48%¹; sản xuất nông nghiệp vẫn có bước phát triển, đạt 3,41%; sản xuất công nghiệp, lĩnh vực dịch vụ tăng trưởng 10,6%. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 48,4 tỷ USD, tăng 21,5%; giá trị hàng hoá nhập khẩu đạt 60,8 tỷ USD tăng 35,5% so với năm 2006. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký đạt 20,3 tỷ đô la Mỹ, tăng 69,3% so với năm 2006 và vượt 56,3% kế hoạch cả năm, cao nhất từ trước đến nay.



Đồng chí Vũ Văn Ninh
Bộ trưởng Bộ Tài chính

Trong bối cảnh kinh tế xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, thị trường bảo hiểm Việt Nam cũng đạt tốc độ tăng trưởng cao. Năm 2007, doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt khoảng 17.696 tỷ đồng, tăng 18,78% so với năm 2006; tổng số tiền ngành bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế đạt khoảng 44.945 tỷ đồng tăng 14.284 tỷ đồng so với năm 2006². Năng lực tài chính, kinh doanh của các doanh nghiệp được cải thiện đáng kể (năm 2007, vốn điều lệ của các doanh nghiệp đạt 2.105 tỷ đồng tăng 19 % so với năm 2006)

Trong năm 2007, thị trường phát triển an toàn, không xảy ra vụ việc vi phạm nghiêm trọng nào trong hoạt động kinh doanh, không có những tổn thất mang tính thảm hoạ hoặc rủi ro bất thường ảnh hưởng đến thị trường. Các doanh nghiệp đã chú trọng nâng cao chất lượng công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp. Bộ Tài chính đã sửa đổi, ban hành mới hàng loạt các văn bản hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, ổn định cho thị trường phát triển; Công tác kiểm tra, giám sát thị trường, hội nhập, hợp tác quốc tế được đẩy mạnh và Vụ Bảo hiểm (Bộ Tài chính) đã chính thức trở thành thành viên của Hiệp hội quốc tế các nhà quản lý bảo hiểm (IAIS). Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như: tỷ trọng khai thác vẫn còn thấp so với tiềm năng của thị trường, năng lực quản trị, điều hành của một số doanh nghiệp còn yếu, trình độ công nghệ tin học chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý và chuẩn mực quốc tế. Phần lớn các doanh nghiệp chưa tập trung đến khâu chất lượng của dịch vụ, công tác quản lý rủi ro. Các sản phẩm bảo hiểm vẫn chưa thực sự đa dạng, tính minh bạch của sản phẩm chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Công tác quản lý đại lý của một số doanh nghiệp chưa thực sự chặt chẽ, nhiều đại lý hoạt động khi chưa được đào tạo, tuyển dụng và cấp chứng chỉ. Việc chi trả hoa hồng đại lý, hoa hồng môi giới của một số doanh nghiệp còn không đúng với quy định. Tỷ lệ phí giữ lại trên tổng phí của các nghiệp vụ có rủi ro lớn là rất thấp; thị trường thiếu đội ngũ nhân sự cao cấp, chất lượng cán bộ không đồng đều; vẫn còn hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh...

Để phát triển thị trường bảo hiểm toàn diện, an toàn, hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu bảo hiểm cơ bản của nền kinh tế và dân cư; thực hiện thắng lợi các mục tiêu trong Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2010, toàn ngành bảo hiểm tập trung triển khai chương trình hành động với các nhiệm vụ cơ bản sau:

Đối với Bộ Tài chính

¹ Nguồn: Thông tin về tình hình kinh tế xã hội tháng 12 và năm 2007 (trang Thông tin KTXH-NSNN hàng tháng, ngày 2/1/2008 của website Bộ Tài chính)

² Nguồn: Số liệu thống kê của Vụ Bảo hiểm.

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý theo hướng phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, tạo mọi điều kiện để các doanh nghiệp phát triển đồng thời tăng cường tính công khai minh bạch về tình hình tài chính và kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, xây dựng các cơ sở pháp lý cần thiết để hỗ trợ các doanh nghiệp bảo hiểm triển khai các loại hình sản phẩm bảo hiểm mới, đặc biệt là các sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ giáo dục, chăm sóc y tế chất lượng cao, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm cho người nghèo, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu,...

- Nghiên cứu chính sách khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp các dịch vụ bảo hiểm trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, vùng sâu, vùng xa cho người dân có thu nhập thấp.

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình đào tạo và cấp chứng chỉ đại lý nhằm thống nhất tiêu chuẩn, chương trình đào tạo đại lý, nâng cao mặt bằng chung về chất lượng đại lý trên thị trường.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra và giám sát thị trường đồng thời xử lý nghiêm minh các sai phạm đảm bảo thị trường phát triển an toàn, lành mạnh, hiệu quả.

Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm:

- Tiếp tục chủ động tăng cường năng lực tài chính, thực hiện các quy định về an toàn tài chính doanh nghiệp; đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người dân về bảo hiểm và các sản phẩm bảo hiểm;

- Tăng cường năng lực quản trị điều hành doanh nghiệp, xây dựng và hoàn thiện các quy trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm hoạt động của các doanh nghiệp lành mạnh, phòng ngừa và hạn chế các rủi ro, phòng chống các biểu hiện tiêu cực tham nhũng trong quá trình hoạt động;

- Đa dạng hoá sản phẩm bảo hiểm, phát triển các sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ giáo dục, chăm sóc y tế tự nguyện, chăm sóc y tế chất lượng cao, bảo hiểm hưu trí, các sản phẩm bảo hiểm dành cho người nghèo, tăng cường tính minh bạch của sản phẩm nhằm củng cố niềm tin, tăng tính hấp dẫn của sản phẩm;

- Tiếp tục kiện toàn và phát triển kênh phân phối sản phẩm bảo hiểm, siết chặt kỷ luật khai thác, rà soát các tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng, đào tạo, quản lý và sử dụng đại lý bảo hiểm, nâng cao tính chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn của các đại lý;

- Tăng cường đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh, quản lý dòng tiền, phòng ngừa rủi ro trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Đối với Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam:

- Cần từng bước nâng cao vai trò tự quản;

- Tăng cường sự tham gia trực tiếp của Hiệp hội và các doanh nghiệp vào công tác xây dựng cơ chế chính sách, chế độ;

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Hiệp hội, xây dựng cơ chế bảo đảm các doanh nghiệp bảo hiểm phải tôn trọng các thoả thuận đã ký kết thông qua Hiệp hội, kịp thời xử lý những trường hợp doanh nghiệp, đại lý vi phạm, bảo vệ quyền lợi chính đáng của khách hàng, nâng cao niềm tin của khách hàng đối với thị trường.

Với những kết quả đã đạt và những bài học đã được thực tế kiểm nghiệm trong giai đoạn 2001 - 2007, với quyết tâm tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên, năm 2008 ngành bảo hiểm Việt Nam chắc chắn sẽ tiếp tục phát triển lành mạnh, an toàn và vững chắc, hoà nhập với thị trường bảo hiểm thế giới và khu vực trong xu thế phát triển chung của nền kinh tế đất nước./.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu chủ yếu	1996	1999	2002	2005	2006	2007 (ước)
1. Kết cấu thị trường						
- Tổng số DNBH, MGBH	8	15	20	32	37	40
- Doanh nghiệp phi nhân thọ	6	10	13	16	21	22
- Doanh nghiệp nhân thọ		3	4	8	7	9
- Doanh nghiệp tái bảo hiểm	1	1	1	1	1	1
- Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	1	1	2	7	8	8
2. Quy mô thị trường bảo hiểm (tỷ đồng)						
- Doanh thu phí bảo hiểm (tỷ đồng)	1.264	2.091	6.992	13.616	14.898	17.696
+ Phi nhân thọ	1.263	1.606	2.624	5.486	6.403	8.258
+ Nhân thọ	1	485	4.368	8.130	8.495	9.438
- Doanh thu đầu tư (tỷ đồng)	92	200	833	1.944	3.478	6.403
- Đóng góp vào GDP (%)	0,49	0,57	1,46	1,85	1,74	2,11
+ Phi nhân thọ	0,46	0,40	0,49	0,65	0,61	0,72
+ Nhân thọ		0,12	0,81	0,97	0,81	0,83
+ Hoạt động đầu tư	0,03	0,05	0,16	0,23	0,33	0,56
- <i>Phí bảo hiểm bình quân đầu người (nghìn đồng)</i>	17	27	88	164	177	208
3. Đóng góp vào ổn định kinh tế - xã hội						
- <i>Bồi thường và trả tiền bảo hiểm (tỷ đồng)</i>	760	789	1.400	4.469	5.690	6.422
- <i>Lập dự phòng nghiệp vụ để đảm bảo trách nhiệm đã cam kết (tỷ đồng)</i>	149	705	3.549	4.904	4.267	7.777
4. Đầu tư trở lại nền kinh tế (tỷ đồng)						
6. Năng lực tài chính ngành bảo hiểm						
- Tổng tài sản (tỷ đồng)	1.703	3.692	12.503	31.871	39.698	58.000
- Tổng dự phòng nghiệp vụ (tỷ đồng)	791	2.107	8.685	23.440	27.707	35.484
7. Giải quyết công ăn việc làm (lao động và đại lý bảo hiểm)						
	7.000	30.000	76.600	143.540	118.200	149.100

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2007

1. CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG

Năm 2007, Bộ Tài chính tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam 2003-2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và thực hiện mở cửa thị trường bảo hiểm theo các cam kết quốc tế. Đến nay đã có 40 doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm 1 doanh nghiệp Nhà nước, 19 công ty cổ phần, 4 doanh nghiệp liên doanh và 16 doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài.

Bảng 1: Số lượng các doanh nghiệp bảo hiểm theo khối doanh nghiệp

Loại hình doanh nghiệp	Nhà nước	Cổ phần	Liên doanh	100% vốn nước ngoài	Tổng cộng
Phi nhân thọ	1	12	4	5	22
Nhân thọ		1		8	9
Tái bảo hiểm		1			1
Môi giới bảo hiểm		5		3	8
Tổng cộng	1	19	4	16	40

Bên cạnh đó, sự góp mặt của 37 văn phòng đại diện của các tổ chức bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam cũng góp phần cải thiện môi trường đầu tư và tăng lòng tin của các nhà đầu tư nước ngoài khi đến làm ăn tại Việt Nam

2. Quy mô thị trường

Thị trường bảo hiểm tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với tăng trưởng GDP, doanh thu toàn ngành đạt 24.099 tỷ đồng, tăng 31,14% so với năm 2006, trong đó doanh thu phí bảo hiểm đạt 17.696 tỷ đồng, doanh thu hoạt động đầu tư đạt 6.403 tỷ đồng. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, vai trò, vị trí của các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước tiếp tục được củng cố và tăng cường, chiếm 61,58% tổng doanh thu phí bảo hiểm.

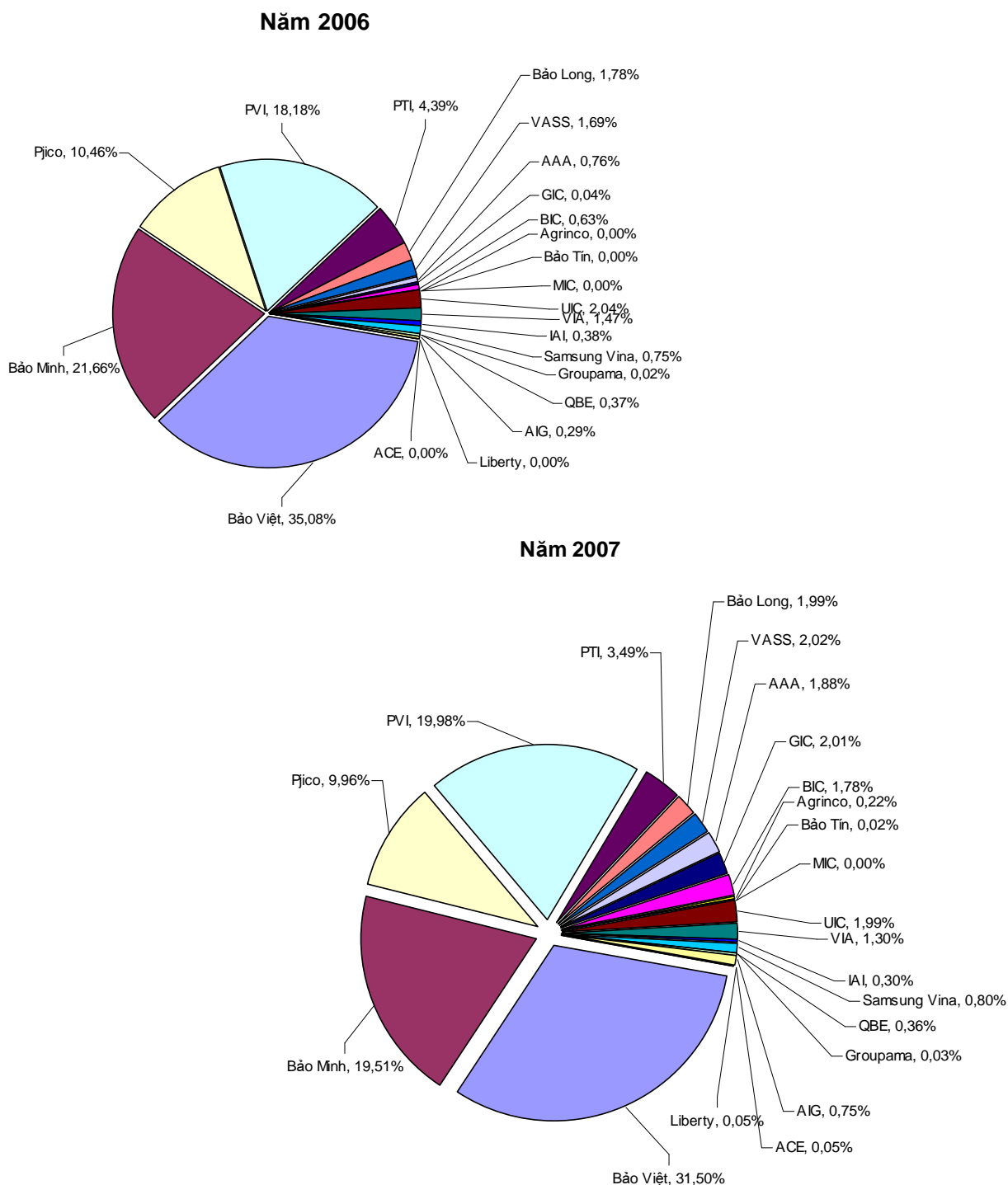
Bảng 2: Doanh thu phí bảo hiểm và thị phần theo khối doanh nghiệp

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Phi nhân thọ		Nhân thọ		Toàn thị trường	
		2007	2006	2007	2006	2007	2006
Doanh thu phí bảo hiểm	Tỷ đồng	8.258	6.403	9.438	8.495	17.696	14.898
Tốc độ tăng trưởng	%	28,97	16,71	11,10	4,49	18,78	9,41
Tỷ trọng/tổng phí	%	46,67	42,98	53,33	57,02	100	100
Tỷ trọng phí/GDP	%	0,72	0,61	0,83	0,81	1,55	1,42
Thị phần							
Doanh nghiệp trong nước	%	94,37	94,67	36,52	36,65	62,61	61,58
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	%	5,63	5,33	60,98	63,35	37,39	38,42

3. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Năm 2007, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 8.258 tỷ đồng tăng trưởng 28,97% so với năm 2006. Các doanh nghiệp trong nước chiếm 94,37% thị phần, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 5,63%. Thị phần doanh thu phí bảo hiểm tiếp tục tập trung vào các doanh nghiệp lớn hoạt động trên thị trường như Bảo Việt: 31,50%; Bảo Minh: 19,51%; PVI: 19,98%; PJICO: 9,96%.

Biểu 1: Thị phần doanh thu phí của từng doanh nghiệp

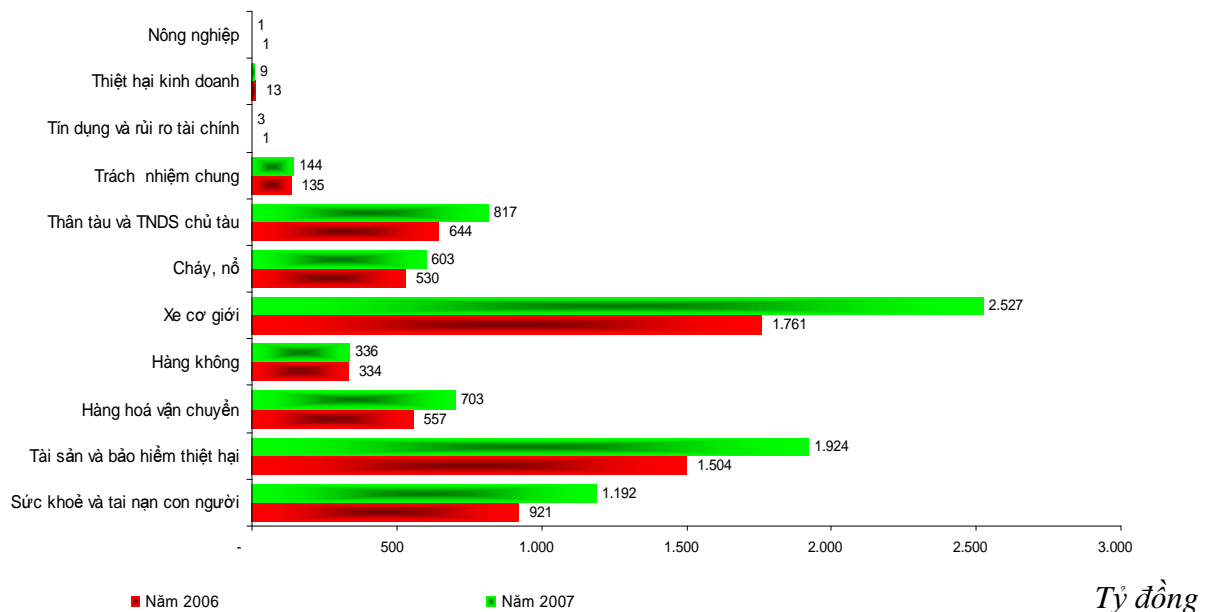


3.1. Cơ cấu doanh thu và tốc độ tăng trưởng phí bảo hiểm theo nghiệp vụ

a. Doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ

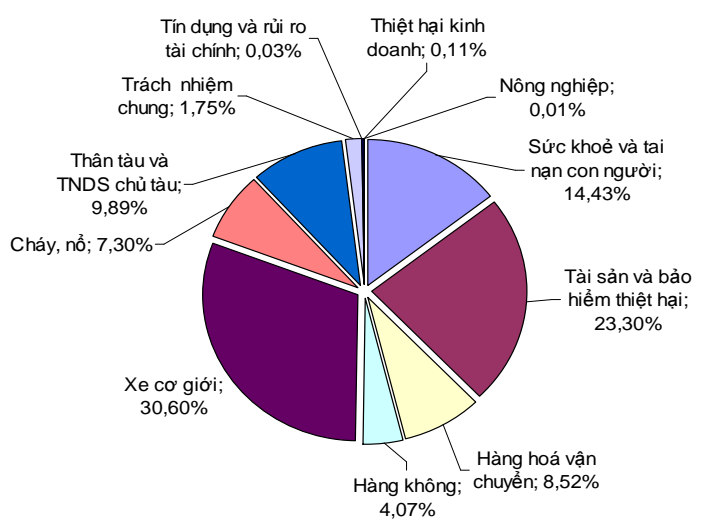
So với năm 2006, các nghiệp vụ bảo hiểm chính đều đạt tốc độ tăng trưởng cao. Nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới tăng 43,46%, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người tăng 29,37%, bảo hiểm tài sản và thiệt hại tăng 27,89%, bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu tăng 26,85%, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển tăng 26,22%, bảo hiểm cháy, nổ tăng 13,78%.

Biểu 2. Doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ năm 2006- 2007



Biểu 3. Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ 2007

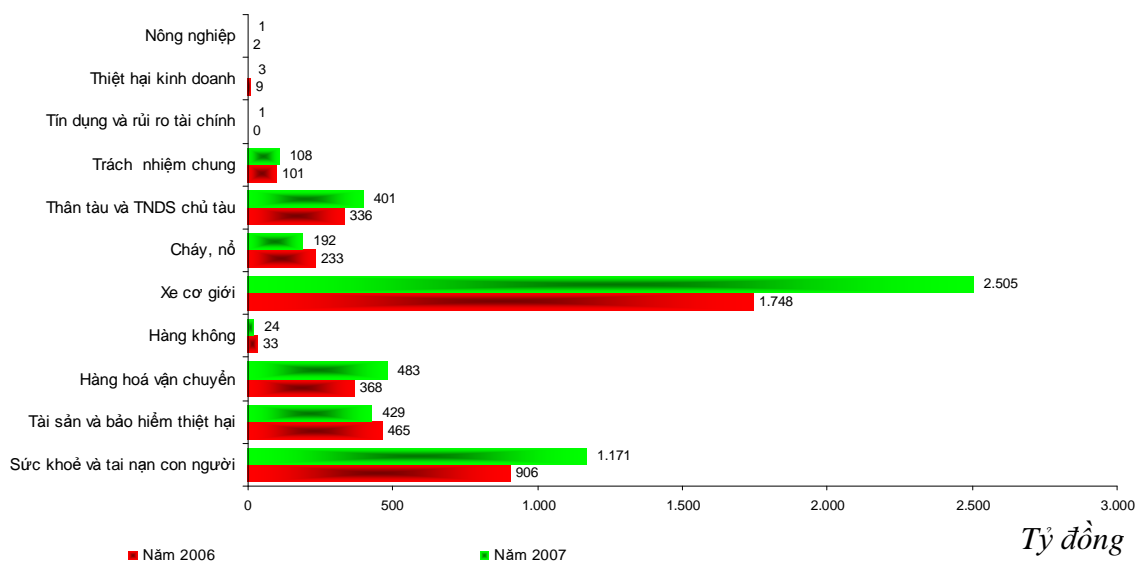
Trong cơ cấu phí bảo hiểm theo nghiệp vụ 2007, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới chiếm tỷ trọng lớn nhất (30,60%), tiếp đến là bảo hiểm tài sản và thiệt hại (23,30%), bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người (14,43%); bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu, bảo hiểm hàng hoá vận chuyển và bảo hiểm cháy, nổ chiếm từ 7,3-9,9%. Trong khi đó, các nghiệp vụ bảo hiểm như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm vẫn chiếm tỷ trọng rất thấp (khoảng 1-2%).



b. Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ

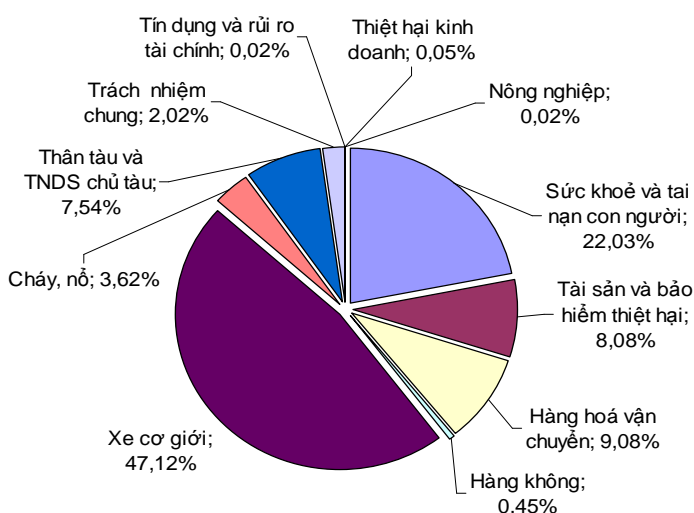
Sau quá trình thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm, năng lực tài chính, năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp đã tăng lên đáng kể, công tác đánh giá rủi ro và đề phòng hạn chế tổn thất cũng được cải thiện. Kết quả là, mức phí bảo hiểm giữ lại của toàn thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng 26,65% so với năm 2006 lên mức 5.526 tỷ đồng.

Biểu 4. Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ



Biểu 5. Tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ năm 2007

Trong cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm giữ lại của thị trường bảo hiểm Việt Nam, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới chiếm tỷ trọng lớn nhất (41,12%), tiếp đến là bảo hiểm sức khoẻ và tai nạn con người (22,03%), bảo hiểm hàng hoá vận chuyển (9,08%)... Các nghiệp vụ chiếm tỷ trọng phí bảo hiểm giữ lại thấp là bảo hiểm nông nghiệp (0,02%), bảo hiểm thiệt hại kinh doanh (0,05%).



3.2. Bồi thường bảo hiểm

Số tiền bồi thường bảo hiểm gốc năm 2007 là 3.033 tỷ đồng, số tiền bồi thường bảo hiểm thuộc trách nhiệm giữ lại 2.401 tỷ đồng. Tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc và bồi thường bảo hiểm thuộc trách nhiệm giữ lại năm 2006 ở mức cho phép, thể hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm của các doanh nghiệp đạt hiệu quả. Vai trò của bảo hiểm trong việc đề phòng, khắc phục và hạn chế những tổn thất cho các đối tượng tham gia bảo hiểm, góp phần giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước được nâng cao.

Bảng 3. Số tiền bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ*Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
Bồi thường bảo hiểm gốc	2.168	2.488	3.033
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	1.625	1.992	2.401

3.3. Dự phòng nghiệp vụ

Cùng với sự tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm, phát triển hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, dự phòng nghiệp vụ được trích lập đầy đủ, tương ứng với phần trách nhiệm bảo hiểm giữ lại, nhằm đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ năm 2007 tăng 24,2% so với năm 2006, lên mức 4.333 tỷ đồng.

Bảng 4. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ*Tỷ đồng*

Dự phòng nghiệp vụ	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007 (ước)
Dự phòng phí	1.768	1.998	2.516
Dự phòng bồi thường	445	560	1.060
Dự phòng dao động lớn	886	931	757
Tổng cộng	3.099	3.489	4.333

4. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ**4.1. Tình hình khai thác hợp đồng bảo hiểm mới:**

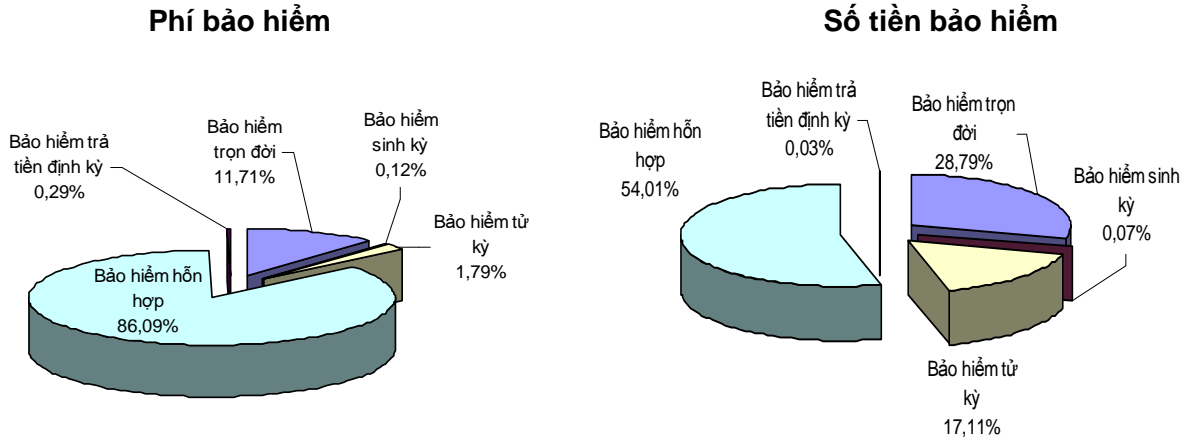
Trong năm 2007, hoạt động khai thác mới đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Số hợp đồng khai thác mới của các sản phẩm bảo hiểm chính đạt trên 630.000 hợp đồng, tăng 30,63% so với năm 2006. Tổng số tiền bảo hiểm tương ứng đạt 31.787 tỷ đồng, tăng 72,5% so với năm 2006. Bình quân số tiền bảo hiểm của hợp đồng khai thác mới trong năm 2007 là 50 triệu đồng, tăng 32% so với năm 2006.

Tổng doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng khai thác mới ước đạt 1.810 tỷ đồng, tăng 40,1% so với năm 2006. Trong đó, doanh thu phí của các sản phẩm bảo hiểm chính đạt 1.733 tỷ đồng, tăng 39,1% so với năm 2006.

Bảng 5: Số hợp đồng, số tiền bảo hiểm và số phí bảo hiểm khai thác mới năm 2007

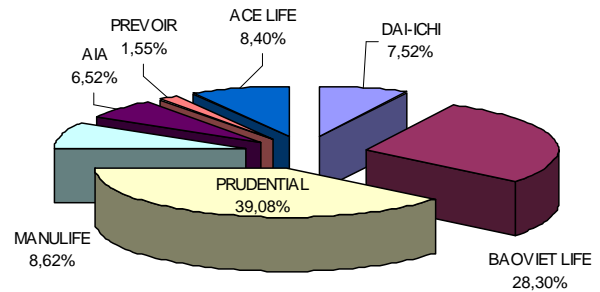
Nghiệp vụ	Hợp đồng bảo hiểm (hợp đồng)		Số tiền bảo hiểm (tỷ đồng)		Phí bảo hiểm (tỷ đồng)	
	2006	2007	2006	2007	2006	2007
Bảo hiểm trọn đời	18.348	44.458	3.452	9.151	72	203
Bảo hiểm sinh kỳ	657	353	31	22	3	2
Bảo hiểm tử kỳ	26.265	112.139	1.319	5.439	16	31
Bảo hiểm hỗn hợp	435.826	472.276	13.618	17.167	1.149	1.492
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	1.431	1.093	9	8	6	5
Tổng cộng	482.527	630.319	18.429	31.787	1.246	1.733

Biểu 6 : Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm khai thác mới theo nghiệp vụ năm 2007



Biểu 7. Thị phần doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới 2007

Trong tổng số 1.810 tỷ đồng doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới, Prudential chiếm tỷ trọng 39,06%; Bảo Việt Nhân thọ chiếm 28,3%; Manulife chiếm 8,62%; ACE Life chiếm 8,40%; Dai-ichi chiếm 7,52%; AIA chiếm 6,52%; Prevoir chiếm 1,55%



4.2. Tình hình hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trong năm 2007

Tổng số hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ trong năm 2007 là 328.557 hợp đồng, trong đó số hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ năm thứ nhất là 119.498 hợp đồng chiếm tỷ lệ 4,06% số hợp đồng có hiệu lực, số hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ năm thứ 2 là 43.903 hợp đồng chiếm tỷ lệ 1,49% số hợp đồng có hiệu lực và số hợp đồng trong các năm sau là 165.156 hợp đồng chiếm tỷ lệ 5,61% số hợp đồng có hiệu lực.

Bảng 6. Tình hình hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trong năm 2007

Nghiệp vụ	Trong năm hợp đồng thứ nhất		Trong năm hợp đồng thứ hai		Trong năm hợp đồng sau	
	Số HĐ	Tỷ lệ	Số HĐ	Tỷ lệ	Số HĐ	Tỷ lệ
Bảo hiểm trọn đời	4.690	4,26%	1.316	1,20%	2.937	2,67%
Bảo hiểm sinh kỳ	93	3,14%	136	4,59%	259	8,75%
Bảo hiểm tử kỳ	19.136	8,39%	4.912	2,15%	8.618	3,78%
Bảo hiểm hỗn hợp	95.455	3,68%	36.282	1,40%	152.243	5,87%
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	124	1,18%	1257	11,94%	1.099	10,44%

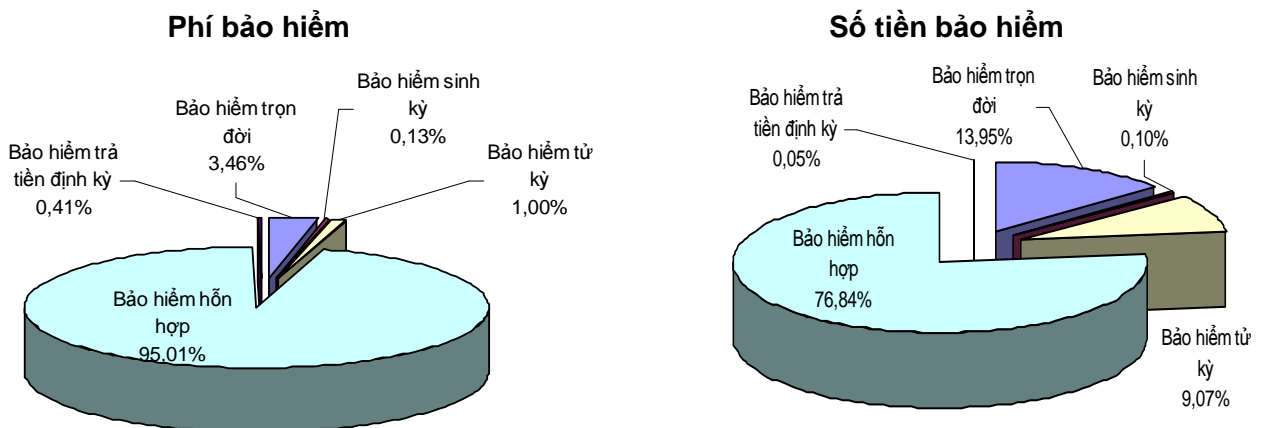
4.3. Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có hiệu lực

Hợp đồng khai thác mới tăng mạnh, cao hơn cả số hợp đồng huỷ bỏ và hợp đồng đáo hạn trong năm. Tổng số hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực đối với các sản phẩm bảo hiểm chính tăng 6,1% lên đến 3.806.663 hợp đồng vào cuối năm 2007. Các sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp chiếm tỷ trọng phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm cao nhất (95% và 76,84%).

Bảng 7. Số hợp đồng, số tiền bảo hiểm và phí bảo hiểm có hiệu lực theo nghiệp vụ

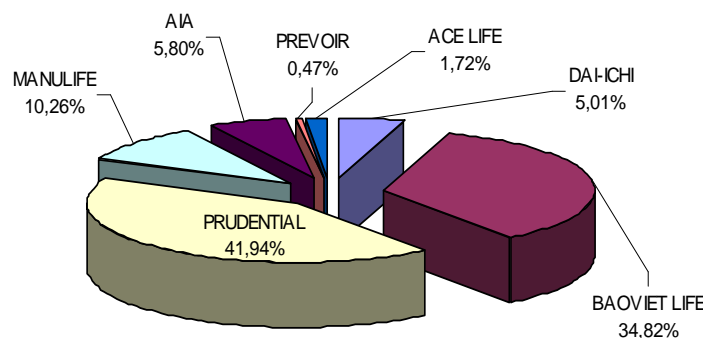
Nghiệp vụ	Hợp đồng bảo hiểm (hợp đồng)		Số tiền bảo hiểm (tỷ đồng)		Phí bảo hiểm (tỷ đồng)	
	2006	2007	2006	2007	2006	2007
Bảo hiểm trọn đời	71.717	109.995	6.716	15.185	171	316
Bảo hiểm sinh kỳ	3.104	2.961	106	110	13	12
Bảo hiểm tử kỳ	141.553	228.211	5.651	9.869	78	91
Bảo hiểm hỗn hợp	3.362.991	3.454.971	90.163	83.644	7.941	8.675
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	9.596	10.525	44	52	39	37
Tổng cộng	3.588.961	3.806.663	102.680	108.860	8.242	9.131

Biểu 8 : Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm có hiệu lực trong năm 2007 theo nghiệp vụ



Năm 2007, thị phần doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực tiếp tục được duy trì như năm 2006, theo thứ tự sau Prudential (41,94%), Bảo Việt Nhân thọ (34,82%), Manulife (10,26%), AIA (5,8%), Dai-ichi (5,01%), ACE (1,72%) và Prevoir (0,47%).

Biểu 9: Thị phần phí bảo hiểm các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực của năm 2007



4.4. Tình hình trả tiền bảo hiểm:

Tổng số tiền bảo hiểm các doanh nghiệp đã chi trả trong năm 2007 cho các sản phẩm chính là 2.133 tỷ đồng, tăng 6,73%; trả giá trị hoàn lại là 1.230 tỷ đồng tăng 1,3% so với năm 2006. Số tiền chi trả bảo hiểm và trả giá trị hoàn lại tập trung chủ yếu vào các sản phẩm hỗn hợp, cho thấy, số đối tượng tham gia bảo hiểm được hưởng các quyền lợi bảo hiểm ngày càng nhiều qua các sản phẩm bảo hiểm có tính ưu việt mang tính chất bảo vệ, tiết kiệm và đầu tư.

Bảng 8. Tình hình trả tiền bảo hiểm 2006-2007

(Triệu đồng)

Ng nghiệp vụ	Trả tiền bảo hiểm gốc		Trả giá trị hoàn lại	
	2006	2007	2006	2007
Bảo hiểm trọn đời	16,9	19,9	13,2	11,0
Bảo hiểm sinh kỳ	8,5	1,1	6,0	23,3
Bảo hiểm tử kỳ	30,0	49,6	0,0	0,0
Bảo hiểm hỗn hợp	1.923,0	2.024,2	1.170,9	1.188,7
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	20,2	38,5	24,4	7,2
Tổng	1.998,6	2.133,2	1.214,5	1.230,2

4.5. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Cũng giống như trong lĩnh vực phi nhân thọ, nhờ sự tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm, phát triển hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, dự phòng nghiệp vụ cũng được trích lập đầy đủ và tăng lên tương ứng với phần trách nhiệm bảo hiểm, nhằm đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm. Năm 2007, tổng dự phòng nghiệp vụ của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt 31.151 tỷ đồng, tăng 28,62% so với năm 2006.

Bảng 9. Dự phòng nghiệp vụ năm 2006-2007

Dự phòng nghiệp vụ	DPNV trích trong năm (tỷ đồng)		Tăng trưởng	Tổng DPNV (tỷ đồng)		Tăng trưởng
	2006	2007		2006	2007	
Dự phòng toán học	3.590	5.462	52,1%	21.878	27.341	25,0%
Dự phòng phí chưa được hưởng	98	113	15,3%	541	654	20,9%
Dự phòng bồi thường	(4)	(1)	-	33	32	-3,0%
Dự phòng đảm bảo cân đối	430	1.357	215,6%	1.767	3.124	76,8%
Tổng số	4.114	6.931		24.219	31.151	

5. HOẠT ĐỘNG TÁI BẢO HIỂM

Năm 2007, tổng phí bảo hiểm giữ lại tại thị trường trong nước tăng 20% từ 12.414 tỷ đồng năm 2006 lên 14.895 tỷ đồng năm 2007. Trong đó, hoạt động tái bảo hiểm ra thị trường nước ngoài được thực hiện chủ yếu đối với hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ với tỷ trọng là 97,8% tổng số phí nhượng tái. Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm có rủi ro lớn như bảo hiểm tài sản và thiệt hại; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu; bảo hiểm cháy, nổ, các doanh nghiệp thực hiện tái bảo hiểm với tỷ trọng lớn để phân tán rủi ro (tỷ lệ giữ lại thấp hơn năm 2006). Đối với các nghiệp vụ có rủi ro thấp như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm tai nạn và sức khỏe con người, các doanh nghiệp hầu như không nhượng tái ra nước ngoài trong khi tốc độ tăng trưởng doanh thu của các nghiệp vụ này trong năm 2007 là rất cao.

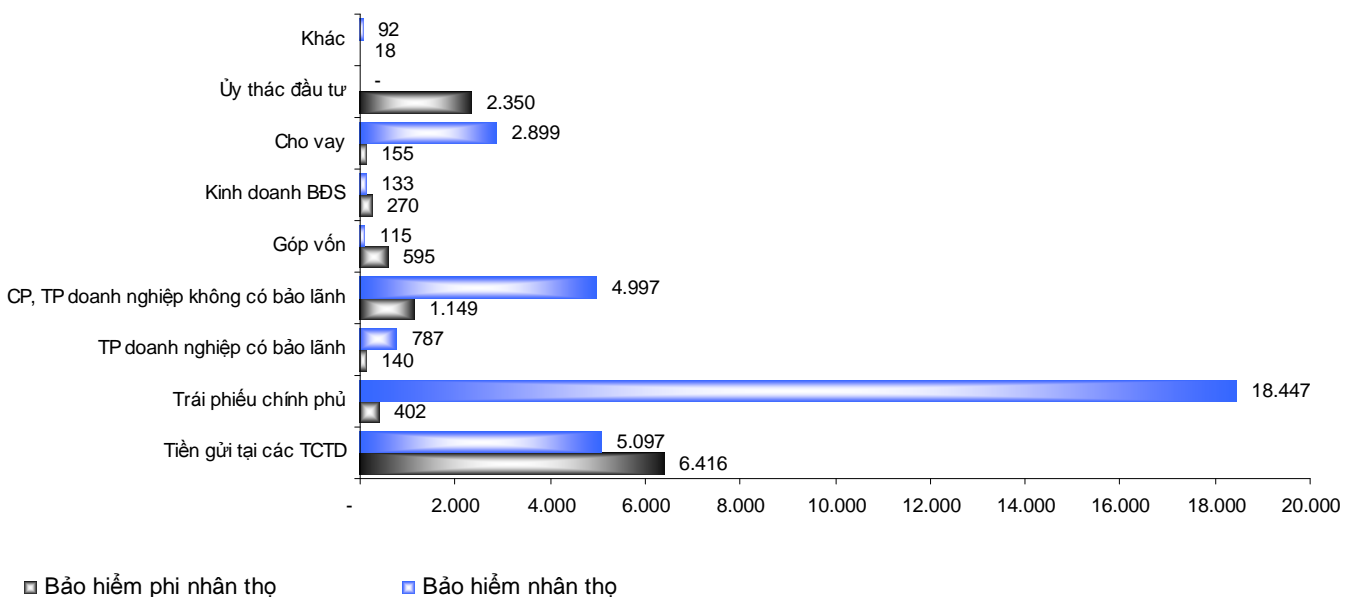
Bảng 10. Hoạt động tái bảo hiểm năm 2005 - 2007

Chỉ tiêu	Tỷ đồng		
	2005	2006	2007 (ước)
Tổng phí bảo hiểm gốc	13.558	14.898	17.696
Phi nhân thọ	5.535	6.403	8.258
Nhân thọ	8.023	8.495	9.438
Nhượng tái bảo hiểm ròng ra nước ngoài	1.694	2.484	2.801
Phi nhân thọ	1.641	2.047	2.732
Nhân thọ	53	437	69
Tổng phí bảo hiểm giữ lại	11.962	12.414	14.895
Phi nhân thọ	3.992	4.356	5.526
Nhân thọ	7.970	8.058	9.369

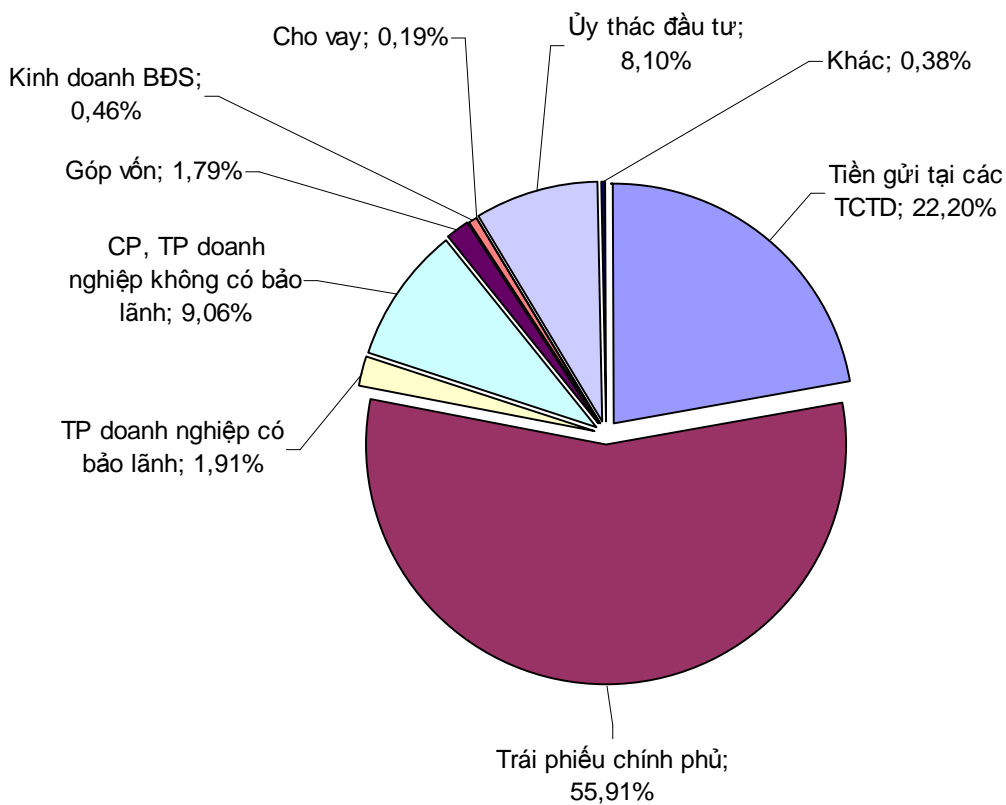
6. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Các doanh nghiệp bảo hiểm đã tạo lập nguồn vốn lớn và dài hạn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2007, tổng số tiền các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế là 14.000 tỷ đồng, nâng tổng số tiền đầu tư của toàn ngành bảo hiểm đến cuối năm 2007 lên 44.945 tỷ đồng tăng 47,38% so với 2006. Công tác đầu tư vốn của các doanh nghiệp ngày càng được cải thiện và đi vào chiều sâu nhằm đảm bảo lựa chọn được các dự án đầu tư thích hợp, an toàn cho nguồn vốn và mang lại hiệu quả kinh tế cao như góp vốn liên doanh, tham gia thành lập công ty cổ phần, cho vay, tham gia các dự án đầu tư, mua trái phiếu Chính phủ, mua cổ phiếu, gửi tiết kiệm ngân hàng... Năm 2007, tỷ trọng đầu tư trong các lĩnh vực như sau: mua trái phiếu chính phủ chiếm 55,91%, gửi tiền tại các tổ chức tín dụng chiếm 22,2%, uỷ thác đầu tư chiếm 8,10%, mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh chiếm 9,06%. Thông qua việc đa dạng hoá hoạt động đầu tư, các doanh nghiệp bảo hiểm đã thu được nhiều kết quả quan trọng từ đầu tư tài chính, giúp hình thành phần lớn lợi nhuận của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.

Biểu 10. Tình hình đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2007



Biểu 11. Cơ cấu đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2007

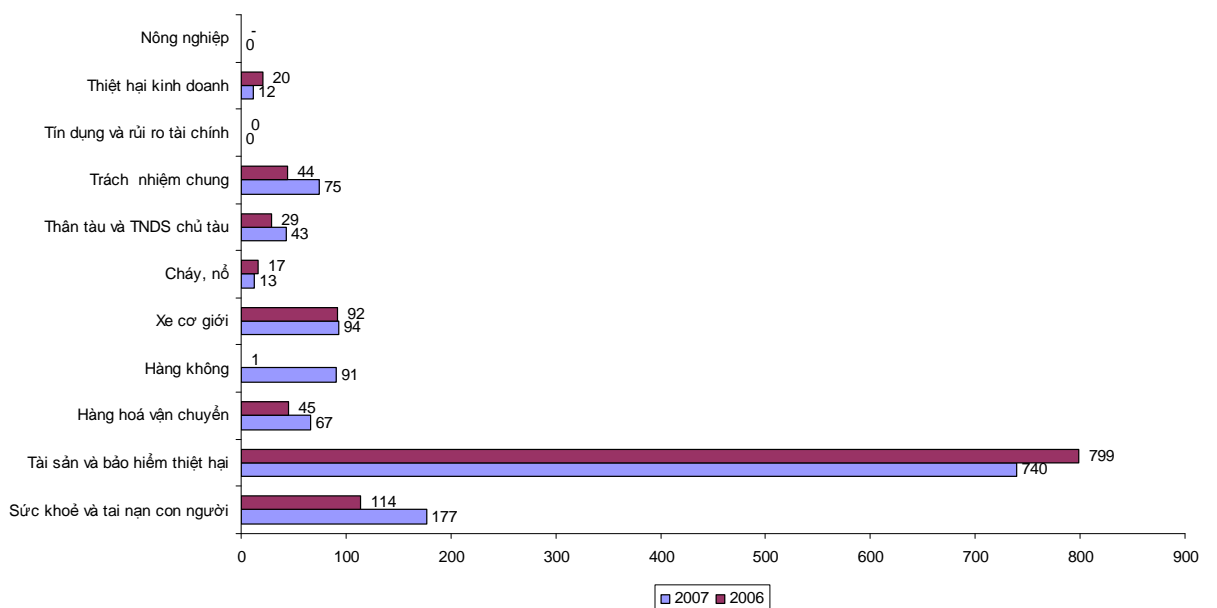


7. TRUNG GIAN BẢO HIỂM

7.1. Hoạt động môi giới bảo hiểm

Tổng phí bảo hiểm giới thiệu cho các công ty bảo hiểm trong nước ước đạt 1.311 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2006, chiếm 16% tổng số phí bảo hiểm phi nhân thọ của toàn thị trường.

Biểu 12. Phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới bảo hiểm 2006- 2007



So với năm 2006, doanh thu phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới của nghiệp vụ bảo hiểm hàng tăng từ 1 tỷ đồng lên 71 tỷ đồng, các nghiệp vụ có tốc độ tăng trưởng cao khác bao gồm bảo hiểm trách nhiệm chung (70%), bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người (56%), bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu (52%), bảo hiểm hàng hoá vận chuyển (48%). Các nghiệp vụ bảo hiểm tài sản; bảo hiểm cháy, nổ; bảo hiểm thiệt hại kinh doanh giảm so với năm 2006.

Hoạt động môi giới bảo hiểm tập trung chủ yếu ở các nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và thiệt hại (56,42%), sức khỏe và tai nạn con người (13,47%), xe cơ giới (7,14%), hàng không (6,95%).

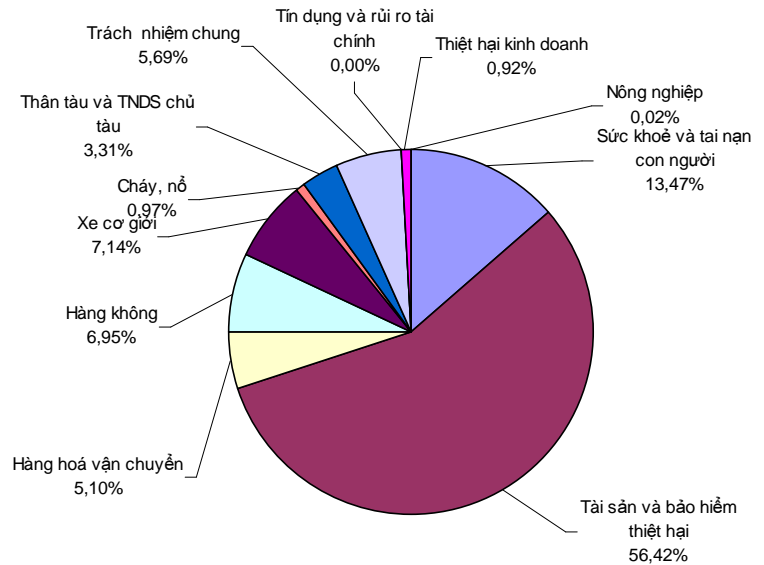
Doanh thu từ hoạt động môi giới trong nước đạt 125 tỷ đồng, tăng 28,4% so với năm 2006. Hoa hồng môi giới bảo hiểm tập trung chủ yếu ở các nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và thiệt hại (48,9%), bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người (22,24%).

Bên cạnh đó, một số công ty môi giới bảo hiểm, chủ yếu là các công ty môi giới bảo hiểm 100% vốn đầu tư nước ngoài đã phát triển các dịch vụ môi giới tái bảo hiểm cho các công ty bảo hiểm nước ngoài. Dịch vụ môi giới tái bảo hiểm tập trung chủ yếu là nghiệp vụ bảo hiểm hàng không và bảo hiểm tài sản. Tổng phí tái bảo hiểm giới thiệu ra ngoài nước đạt 437 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động này đạt 21 tỷ đồng.

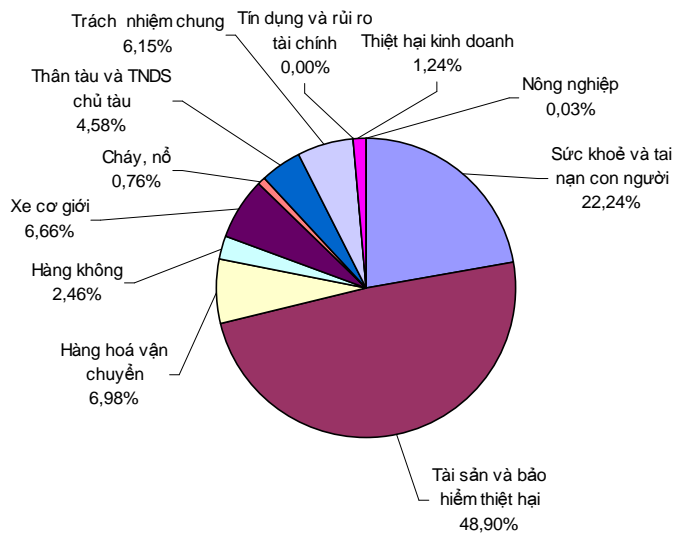
7.2. Đại lý bảo hiểm

Tổng đại lý bảo hiểm năm 2007 ước đạt 134.925 đại lý, tăng 27,2% so với năm 2006. Trong đó, đại lý bảo hiểm nhân thọ là 75.595 người, tăng 19,9% so với năm 2006, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ là 59.330 người, tăng 37,8% so với năm 2006.

Biểu 13. Tỷ trọng phí bảo hiểm gốc thu xếp qua môi giới bảo hiểm năm 2007



Biểu 14. Tỷ trọng hoa hồng môi giới bảo hiểm theo nghiệp vụ



PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC CÔNG TY BẢO HIỂM, MÔI GIỚI BẢO HIỂM NĂM 2007

TT	Tên Công ty	Năm thành lập	Hình thức sở hữu	Vốn điều lệ
I. Công ty bảo hiểm phi nhân thọ: 22 công ty				
Trong nước: 13 công ty				
1	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt)	1964	Cổ phần	1.000 tỷ đồng
2	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh (Bảo Minh)	1994	Cổ phần	1.100 tỷ đồng
3	Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (Pjico)	1995	Cổ phần	140 tỷ đồng
4	Công ty cổ phần bảo hiểm dầu khí (PVI)	1996	Cổ phần	1.000 tỷ đồng
5	Công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện (PTI)	1998	Cổ phần	105 tỷ đồng
6	Công ty cổ phần bảo hiểm Nhà Rồng (Bảo Long)	1995	Cổ phần	300 tỷ đồng
7	Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông (VASS)	2003	Cổ phần	600 tỷ đồng
8	Công ty cổ phần bảo hiểm AAA (AAA)	2005	Cổ phần	380 tỷ đồng
9	Công ty cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu (GIC)	2006	Cổ phần	300 tỷ đồng
10	Công ty bảo hiểm Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIC)	2005	Nhà nước	500 tỷ đồng
11	Công ty cổ phần bảo hiểm ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agrinco)	2006	Cổ phần	380 tỷ đồng
12	Công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Tín (Bảo Tín)	2006	Cổ phần	80 tỷ đồng
13	Công ty cổ phần bảo hiểm Quân đội (MIC)	2007	Cổ phần	300 tỷ đồng
Có vốn đầu tư nước ngoài: 9 công ty				
14	Công ty LD bảo hiểm Liên hiệp (UIC)	1997	Liên doanh	6 triệu USD
15	Công ty LD bảo hiểm quốc tế Việt Nam (VIA)	1996	Liên doanh	6,2 triệu USD
16	Công ty LD TNHH bảo hiểm Châu Á - Ngân hàng công thương (IAI)	2002	Liên doanh	6 triệu USD
17	Công ty LD TNHH bảo hiểm Samsung Vina (Samsung Vina)	2002	Liên doanh	5 triệu USD
18	Công ty bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam (Groupama)	2001	100% vốn nước ngoài	6,2 triệu USD
19	Công ty TNHH bảo hiểm QBE (Việt Nam) (QBE)	2005	100% vốn nước ngoài	5 triệu USD
20	Công ty TNHH bảo hiểm phi nhân thọ AIG (Việt Nam) (AIG)	2005	100% vốn nước ngoài	10 triệu USD
21	Công ty TNHH bảo hiểm ACE (ACE)	2006	100% vốn nước ngoài	10 triệu USD
22	Công ty TNHH bảo hiểm Liberty (Liberty)	2006	100% vốn nước ngoài	20 triệu USD
II. Công ty bảo hiểm nhân thọ: 9 công ty				
Trong nước: 1 công ty				
23	Bảo Việt Nhân thọ	2004	Cổ phần	1.500 tỷ đồng
Có vốn đầu tư nước ngoài: 8 công ty				
24	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Dai-ichi)	2007	100% vốn nước ngoài	25 triệu USD
25	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam (Prudential)	1999	100% vốn nước ngoài	75 triệu USD
26	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (Manulife)	1999	100% vốn nước ngoài	25 triệu USD
27	Công ty TNHH bảo hiểm quốc tế Mỹ Việt Nam (AIA)	2000	100% vốn nước ngoài	25 triệu USD
28	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Ace (Ace Life)	2005	100% vốn nước ngoài	20 triệu USD
29	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prévoir Việt Nam (Prevoir)	2005	100% vốn nước ngoài	10 triệu USD
30	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Cathay Việt Nam (Cathay)	2007	100% vốn nước ngoài	60 triệu USD
31	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Great Eastern Việt Nam (Great Eastern)	2007	100% vốn nước ngoài	600 tỷ đồng
III. Công ty tái bảo hiểm: 1 công ty				
32	Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE)	1994	Cổ phần	672,2 tỷ đồng
IV. Công ty môi giới bảo hiểm: 8 công ty				
Trong nước: 5 công ty				
33	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Việt Quốc (Việt Quốc)	2001	Cổ phần	6 tỷ đồng
34	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Á Đông (Á Đông)	2003	Cổ phần	6 tỷ đồng
35	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Đại Việt (Đại Việt)	2003	Cổ phần	6 tỷ đồng
36	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Thái Bình Dương (PIB)	2005	Cổ phần	6 tỷ đồng
37	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Cimeico (Cimeico)	2006	Cổ phần	4 tỷ đồng
Có vốn đầu tư nước ngoài: 3 công ty				
38	Công ty TNHH Aon Việt Nam (Aon)	1993	100% vốn nước ngoài	300.000 USD
39	Công ty TNHH môi giới bảo hiểm Gras Savoye Willis Việt Nam (Grassavoye)	2003	100% vốn nước ngoài	300.000 USD
40	Công ty TNHH môi giới bảo hiểm Marsh Việt Nam (Marsh)	2004	100% vốn nước ngoài	300.000 USD

PHỤ LỤC 2. DOANH THU - THỊ PHẦN PHÍ BẢO HIỂM GỐC NĂM 2006 VÀ ƯỚC NĂM 2007

STT	Tên Công ty	Doanh thu phí bảo hiểm gốc (tỷ đồng)		Thị phần phí bảo hiểm gốc	
		2006	2007 (ước)	2006	2007
Công ty bảo hiểm phi nhân thọ		6.403	8.258	100%	100%
Trong nước		6.061	7.793	94,67%	94,37%
1	Bảo hiểm Bảo Việt	2.246	2.602	35,08%	31,50%
2	Bảo Minh	1.387	1.611	21,66%	19,51%
3	Pjico	670	823	10,46%	9,96%
4	PVI	1.164	1.650	18,18%	19,98%
5	PTI	281	288	4,39%	3,49%
6	Bảo Long	114	165	1,78%	1,99%
7	VASS	108	167	1,69%	2,02%
8	AAA	49	155	0,76%	1,88%
9	GIC	3	166	0,04%	2,01%
10	BIC	40	147	0,63%	1,78%
11	Agrinco	-	18	-	0,22%
12	Bảo Tín	-	1	-	0,02%
13	MIC	-	-	-	-
Có vốn đầu tư nước ngoài		342	465	5,33%	5,63%
14	UIC	131	164	2,04%	1,99%
15	VIA	94	107	1,47%	1,30%
16	IAI	24	25	0,38%	0,30%
17	Samsung Vina	48	66	0,75%	0,80%
18	Groupama	2	2	0,02%	0,03%
19	QBE	24	29	0,37%	0,36%
20	AIG	19	62	0,29%	0,75%
21	ACE	-	4	-	0,05%
22	Liberty	-	4	-	0,05%
Công ty bảo hiểm nhân thọ		8.495	9.438	100%	98%
Trong nước		3.113	3.286	36,65%	36,52%
23	Bảo Việt Nhân thọ	3.113	3.286	36,65%	36,52%
Có vốn đầu tư nước ngoài		5.382	6.152	63,35%	60,98%
24	Dai-ichi	369	473	4,35%	4,36%
25	Prudential	3.529	3.958	41,54%	41,60%
26	Manulife	897	968	10,56%	6,16%
27	AIA	518	547	6,09%	6,44%
28	Ace Life	52	162	0,61%	1,91%
29	Prevoir	17	44	0,20%	0,52%
30	Cathay	-	-	-	-
31	Great Eastern	-	-	-	-
Tổng cộng		14.898	17.696		

PHỤ LỤC 3. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2006 VÀ ƯỚC 2007

Tỷ đồng

STT	Tên Công ty	2006			2007		
		Doanh thu phí bảo hiểm gốc	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản
Bảo hiểm phi nhân thọ		6.403	3.642	8.238	8.258	8.686	17.369
<i>Trong nước</i>		6.061	2.881	7.134	7.793	7.670	15.796
1	Bảo hiểm Bảo Việt	2.246	570	2.358	2.602	1.005	3.525
2	Bảo Minh	1.387	556	1.439	1.611	2.067	2.989
3	Pjico	670	187	581	823	213	664
4	PVI	1.164	718	1.195	1.650	1.754	4.519
5	PTI	281	120	479	288	145	500
6	Bảo Long	114	170	250	165	188	292
7	VASS	108	221	350	167	303	877
8	AAA	49	56	89	155	405	563
9	GIC	3	73	75	166	306	366
10	BIC	40	210	317	147	523	720
11	Agriuco	-	-	-	18	380	399
12	Bảo Tín	-	-	-	1	80	81
13	MIC	-	-	-	-	300	300
<i>Có vốn đầu tư nước ngoài</i>		342	761	1.105	465	1.016	1.573
14	UIC	131	159	262	164	164	280
15	VIA	94	128	211	107	123	234
16	IAI	24	100	116	25	99	132
17	Samsung Vina	48	78	160	66	90	200
18	Groupama	2	66	70	2	55	60
19	QBE	24	84	116	29	90	136
20	AIG	19	146	170	62	159	167
21	ACE	-	-	-	4	80	77
22	Liberty	-	-	-	4	156	287
Bảo hiểm nhân thọ		8.495	2.966	30.584	9.438	5.624	39.417
<i>Trong nước</i>		3.113	760	12.627	3.286	1.502	13.990
23	Bảo Việt Nhân thọ	3.113	760	12.627	3.286	1.502	13.990
<i>Có vốn đầu tư nước ngoài</i>		5.382	2.205	17.957	6.152	4.122	24.426
24	Dai-ichi	369	9	712	473	473	1.181
25	Prudential	3.529	1.405	12.043	3.958	2.333	16.966
26	Manulife	897	385	3.383	968	789	4.423
27	AIA	518	110	1.451	547	195	2.085
28	Ace Life	52	164	212	162	288	419
29	Prevoir	17	131	156	44	319	353
30	Cathay	-	-	-	-	-	-
31	Great Eastern	-	-	-	-	-	-
<i>Tái bảo hiểm</i>			413	875		614	1.215
32	VINARE	-	413	875	-	614	1215
TỔNG CỘNG		14.898	7.021	39.698	17.696	14.924	58.000

PHỤ LỤC 4. BỒI THƯỜNG, TRẢ TIỀN BẢO HIỂM VÀ DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ NĂM 2006 VÀ ƯỚC 2007

Tỷ đồng

STT	Tên Công ty	Bồi thường/trả tiền bảo hiểm		Tổng dự phòng nghiệp vụ 2006					Tổng dự phòng nghiệp vụ 2007				
		2006	2007 (ước)	DP toán học, DP phí	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng chia lãi	Tổng số	Dự phòng phí, Dự phòng toán học	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng chia lãi	Tổng cộng
Bảo hiểm phi nhân thọ		2.459	3.034	1.998	560	931	-	3.489	2.516	1.060	757	-	4.333
Trong nước		2.402	2.946	1.919	527	871	-	3.317	2.399	1.019	683	-	4.101
1	Bảo hiểm Bảo Việt	1.073	1.191	919	286	239	-	1.444	1.036	729	130	-	1.895
2	Bảo Minh	611	694	363	54	259	-	676	403	54	179	-	635
3	Pjico	323	328	237	52	65	-	353	282	52	78	-	412
4	PVI	158	418	154	41	151	-	346	243	44	141	-	428
5	PTI	101	133	109	64	137	-	310	114	81	115	-	310
6	Bảo Long	68	81	51	12	5	-	67	62	13	6	-	81
7	VASS	54	48	40	6	9	-	55	65	9	14	-	87
8	AAA	8	26	18	3	3	-	24	95	7	11	-	113
9	GIC	-	10	2	-	-	-	2	31	2	3	-	36
10	BIC	6	15	26	9	5	-	40	61	26	5	-	93
11	Agrinco	-	1	-	-	-	-	-	7	2	1	-	10
12	Bảo Tín	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	MIC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Có vốn đầu tư nước ngoài		56	88	79	32	60	-	171	116	41	74	-	231
14	UIC	14	28	16	8	48	-	72	18	9	58	-	84
15	VIA	26	29	17	9	5	-	30	21	14	7	-	42
16	IAI	4	13	3	1	-	-	3	9	1	-	-	10
17	Samsung Vina	3	5	18	10	5	-	32	19	9	5	-	33
18	Groupama	1	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	1
19	QBE	4	6	21	3	2	-	26	31	6	3	-	40
20	AIG	5	7	4	1	1	-	6	12	1	1	-	14
21	ACE	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	3
22	Liberty	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	4

STT	Tên Công ty	Bồi thường/trả tiền bảo hiểm		Tổng dự phòng nghiệp vụ 2006					Tổng dự phòng nghiệp vụ 2007				
		2006	2007 (ước)	DP toán học, DP phí	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng chia lãi	Tổng số	Dự phòng phí, Dự phòng toán học	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng chia lãi	Tổng cộng
	Bảo hiểm nhân thọ	3.231	3,389	22,420	29	1,771	-	24,219	27.995	32	3.124	-	31.152
	Trong nước	1.984	1,938	10.781	4	8	-	10,793	12.203	2	11	-	12.215
23	Bảo Việt Nhân thọ	1,984	1,938	10,781	4	8	-	10.793	12.203	2	11	-	12.215
	Có vốn đầu tư nước ngoài	1.247	1,451	11,639	24	1,763	-	13,426	15.792	31	3.113	-	18.936
24	Dai-ichi	64	83	637	1	-	-	638	924	1	-	-	925
25	Prudential	805	899	7,905	7	1,757	-	9,669	9.942	6	3.111	-	13.059
26	Manulife	230	310	2,558	16	2	-	2,575	3.064	20	2	-	3.086
27	AIA	147	154	507	0	4	-	511	1.760	2	-	-	1.762
28	Ace Life	1	4	16	1	-	-	17	62	2	-	-	64
29	Prevoir	-	1	16	0	-	-	16	40	-	-	-	40
30	Cathay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31	Great Eastern	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng thị trường	5.690	6.422	24,417	588	2,702	-	27.707	30.510	1.092	3.881	0	35.484

PHỤ LỤC 5. CƠ CẤU ĐẦU TƯ NĂM 2006 VÀ ƯỚC 2007

Tỷ đồng

STT	Tên Công ty	2006			2007									
		Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn	Tổng số	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	Trái phiếu chính phủ	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh	Cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác	Kinh doanh bất động sản	Cho vay	Ủy thác đầu tư	Khác	Tổng số tiền đầu tư
Bảo hiểm phi nhân thọ		2.258	2.482	4.740	6.416	402	140	1.149	595	270	155	2.350	18	11.495
Trong nước		1.760	2.374	4.134	5.202	391	140	1.134	568	270	155	2.350	18	10.228
1	Bảo hiểm Bảo Việt	29	1.440	1.469	28	-	-	-	-	-	-	1.504	-	1.532
2	Bảo Minh	335	466	800	1.472	323	33	220	38	-	0	9	1	2.096
3	Pjico	247	91	338	328	5	-	44	40	2	30	-	-	449
4	PVI	582	173	755	1.966	30	107	257	412	-	-	774	17	3.563
5	PTI	238	16	254	271	1	-	16	-	50	-	-	-	338
6	Bảo Long	130	30	160	123	11	-	-	45	-	1	-	-	179
7	VASS	130	94	224	14	0	-	361	-	208	123	-	-	707
8	AAA	-	45	45	80	-	-	-	34	-	-	-	-	113
9	GIC	-	-	-	251	-	-	4	-	10	1	-	-	266
10	BIC	70	19	89	303	-	-	231	-	-	-	63	-	597
11	Agrieco	-	-	-	299	20	-	-	-	-	-	-	-	319
12	Bảo Tín	-	-	-	68	-	-	1	-	-	-	-	-	69
13	MIC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Có vốn đầu tư nước ngoài		498	108	606	1.214	11	-	14	27	-	-	-	-	1.266
14	UIC	198	15	213	220	10	-	-	7	-	-	-	-	237
15	VIA	70	82	151	184	-	-	-	15	-	-	-	-	198
16	IAI	-	4	4	92	1	-	5	5	-	-	-	-	103
17	Samsung Vina	38	3	42	123	-	-	5	-	-	-	-	-	128
18	Groupama	55	3	58	52	-	-	5	-	-	-	-	-	57
19	QBE	-	-	-	99	-	-	-	-	-	-	-	-	99
20	AIG	138	-	138	147	-	-	-	-	-	-	-	-	147
21	ACE	-	-	-	51	-	-	-	-	-	-	-	-	51
22	Liberty	-	-	-	245	-	-	-	-	-	-	-	-	245

STT	Tên Công ty	2006			2007									
		Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn	Tổng số	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	Trái phiếu chính phủ	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh	Cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác	Kinh doanh bất động sản	Cho vay	Ủy thác đầu tư	Khác	Tổng số tiền đầu tư
	Bảo hiểm nhân thọ	3.783	21.540	25.323	5.097	18.447	787	4.997	115	133	2.899	-	92	32.568
	Trong nước	2.531	8.357	10.888	2.437	6.132	29	3.160	49	-	943	-	92	12.842
23	Bảo Việt Nhân thọ	2.531	8.357	10.888	2.437	6.132	29	3.160	49	-	943		92	12.842
	Có vốn đầu tư nước ngoài	1.252	13.183	14.435	2.660	12.316	758	1.837	66	133	1.957	-	-	19.726
24	Dai-ichi	137	410	547	406	584	-	-	-	-	-	-	-	990
25	Prudential	2	9.183	9.186	690	7.909	598	1.537	40		1.633	-	-	12.406
26	Manulife	706	2.437	3.143	1.111	2.433	110	96	26	133	250	-	-	4.159
27	AIA	228	1.090	1.318	358	1.299	50	150	-	-	74	-	-	1.931
28	Ace Life	127	10	137	57	40	-	40	-	-		-	-	137
29	Prevoir	53	52	105	39	51	-	14	-	-	-	-	-	104
30	Cathay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31	Great Eastern	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	6.041	24.022	30.063	11.513	18.850	927	6.146	710	403	3.054	2.350	110	44.063